

THỐNG KÊ TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỐ HOÁ HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Từ ngày 01 tháng 02 năm 2023 đến ngày 28 tháng 02 năm 2023)

STT	Đơn vị (Cơ quan)	Số hoá hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận					Số hoá kết quả giải quyết TTHC			
		Số hồ sơ Tiếp nhận	Số hồ sơ chưa số hoá TPHS	Số hồ sơ có số hoá thành phần HS	Số hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ	Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp	Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ chưa số hoá kết quả	Số hồ sơ có số hoá kết quả	Tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)/(1)	(6)	(7)	(8)	(9)=(8)/(6)
I	Bộ phận TN&TKQ TP Chí Linh	587	1	586	584	99.49	500	1	494	98.80
1	Phòng Tư pháp	175	0	175	175	100	175	0	175	100
2	Phòng Tài nguyên và Môi trường	149	1	148	148	99.33	152	0	152	100
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	4	0	4	4	100	4	0	4	100
4	Phòng Quản lý đô thị	156	0	156	156	100	156	1	155	99.36
	Phòng Kinh tế	1	0	1	1	100	1	0	1	100
	Phòng Lao động TB&XH	1	0	1	1	100	1	0	1	100
7	Phòng Tài chính-Kế hoạch	101	0	101	101	100	101	0	101	100
II	Các xã, phường	4216	24	4192	4127	97.89	4123	151	3972	96.34
1	Phường An Lạc	128	0	128	127	99.22	127	0	127	100
2	Phường Văn An	237	1	236	232	97.89	224	5	219	97.77
3	Phường Cổ Thành	252	0	252	252	100	245	38	207	84.49
4	Phường Đồng Lạc	183	2	181	181	98.91	182	10	172	94.51
5	Xã Hưng Đạo	127	2	125	109	85.83	124	1	123	99.19
6	Xã Hoàng Hoa Thám	14	0	14	14	100	12	0	12	100
7	Phường Hoàng Tiến	225	3	222	217	96.44	215	5	210	97.67
8	Xã Lê Lợi	176	0	176	160	90.91	173	6	167	96.53
9	Xã Nhân Huệ	60	1	59	57	95.00	56	1	55	98.21
10	Phường Tân Dân	139	0	139	135	97.12	134	6	128	95.52
11	Phường Văn Đức	178	2	176	176	98.88	182	0	182	100
12	Phường Bến Tắm	103	0	103	103	100	101	1	100	99.01
13	Phường Cộng Hòa	957	0	957	957	100	950	30	920	96.84
14	Phường Chí Minh	315	0	315	315	100	317	24	293	92.43
15	Phường Hoàng Tân	196	0	196	186	94.9	170	1	169	99.41
16	Phường Phả Lại	265	0	265	265	100	266	3	263	98.87
17	Phường Sao Đỏ	410	13	397	394	96.1	395	20	375	94.94
18	Phường Thái Học	171	0	171	170	99.42	171	0	171	100
19	Xã Bắc An	80	0	80	77	96.25	79	0	79	100
	Tổng số	4803	25	4778	4711	98.08	4623	152	4471	96.71

(Số liệu được lấy trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Hải Dương lúc 17h00 ngày 28/02/2023)